

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 5- 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Quân.
2. Ông Nguyễn Bạch Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Cẩm T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 319A ấp TB, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Châu Thành L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 325 ấp KA, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, chị Đào Thị Cẩm T trình bày là chị T và anh Châu Thành L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Sống chung đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, nghi ngờ nhau, nên vợ chồng tự xa nhau từ cuối năm 2017 đến nay. Do vậy về hôn nhân chị T yêu cầu được ly hôn anh L. Về nuôi con chung: Quá trình sống chung chị T và anh L có sinh được 01 con chung là Châu Linh Đ, sinh ngày 17/6/2005 hiện chị T đang nuôi dưỡng con chung và khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh L cấp

đường nuôi con. Về chia tài sản: Tại phiên tòa chị T trình bày chị T và anh L đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Anh Châu Thành L thống nhất với lời trình bày của chị Đào Thị Cẩm T về thời gian vợ chồng sống chung, thời gian xa nhau, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến xa nhau, việc không đăng ký kết hôn. Nay anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về nuôi con chung: Anh L và chị T có 01 con chung tên là Châu Linh Đ, sinh ngày 17/6/2005 hiện chị T đang nuôi dưỡng như chị T trình bày và khi ly hôn anh L đồng ý con chung sẽ do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Tại phiên tòa anh L trình bày chị T và anh L đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Đào Thị Kim T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Châu Thành L là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh L thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh L có địa chỉ cư trú số 325 ấp KA, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Từ năm 2003 đến cuối năm 2017 chị Đào Thị Kim T và anh Châu Thành L chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là thật, được các đương sự thừa nhận và có xác nhận ngày 03/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp chứng minh.

Pháp luật quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không tuân thủ về đăng ký kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Mà hậu quả của việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó khi chị T yêu cầu ly hôn anh L và anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, Tòa án cũng không ghi nhận sự tự nguyện ly hôn để làm căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự, mà phải đưa vụ án ra xét xử và quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đào Thị Kim T và anh Châu Thành L.

[3] Về nuôi con chung:

Chị T và anh L có 01 con chung tên là Châu Linh Đ, sinh ngày 17/6/2005 hiện đang do chị T nuôi dưỡng là thật, được các đương sự thừa nhận và có giấy khai sinh của cháu Đ để chứng minh.

Xét thấy khi chị T và anh L xa nhau từ cuối năm 2017 đến nay, thì chị T là người nuôi dưỡng con chung và chăm sóc con chung chu đáo. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh L đồng ý con chung sẽ do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Đa cũng có yêu cầu được sống chung với chị T. Nhận thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao con chung Châu Linh Đ, sinh ngày 17/6/2005 cho chị Đào Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu Đa).

Do chị T không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

Sau khi Tòa án quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L thì các đương sự cùng thống nhất, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; chị T cùng các thành viên gia đình không cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, phù hợp với quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Chị T và anh L đã thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh L trình bày là giữa các đương sự không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đào Thị Cẩm T và anh Châu Thành L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Châu Linh Đ, sinh ngày 17/6/2005 cho chị Đào Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu Đa).

2.2. Chị T không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; chị T cùng các thành viên gia đình không cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chị T và anh L đã thỏa thuận xong.

4. Về nợ chung: Chị T và anh L trình bày là giữa các đương sự không có nợ chung.

5. Về án phí: Chị Đào Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001457 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- UBND xã TKT;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Hằng